

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ -ST

Ngày: 05/5/2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lê Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Dũng và Ông Vũ Quang Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Quyền – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 168/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; Quê quán/nơi ở: thôn ĐX, xã ND, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên. Đăng ký HKTT: thôn ĐA, xã TT, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Khắc M, sinh năm 1985; Sinh trú quán: thôn ĐA, xã TT, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi liên quan: Cháu Lê Ngọc L, sinh ngày 10/4/2007;

Người đại diện cho cháu L: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Khắc M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu L: Bà Phạm Thị Thủy – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H thể hiện: Chị và anh Lê Khắc M quen biết, tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân trên cơ sở

tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TT vào ngày 08/01/2007. Sau khi cưới vợ chồng ở cùng với bố mẹ chồng khoảng nửa tháng thì thuê nhà trong chợ TX để ở và bán hàng. Chị H bán quần áo trong chợ, còn anh M đi bán xe máy thuê cho cậu ruột ở phố TX. Những năm đầu chung sống vợ chồng cũng xảy ra va chạm nhưng vẫn có thể bỏ qua cho nhau. Đến tháng 11/2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh M chơi bời, cá độ bóng đá dẫn đến nợ nần nhiều, bắt chị phải trả nợ thay và phải đi vay tiền cho anh M trả nợ, do chị không vay được tiền nên anh M đánh chửi chị, ngăn cản chị không cho thăm gặp con chung. Trong thời gian vợ chồng chung sống chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ khoảng 4 lần, nhưng sau đó anh M lại xin lỗi, vì thương con nên chị đồng ý về chung sống với anh M. Đầu tháng 11/2020 anh M nói là nợ mấy trăm triệu, bắt chị đi vay tiền trả nợ, do chị không đi vay nên anh M đã mua thuốc sâu về dọa tự tử và vợ chồng sống ly thân. Đến nay, chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm đã hết nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh M ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

Lời khai của bị đơn anh Lê Khắc M thể hiện: Anh và chị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT ngày 08/01/2007. Sau khi cưới vợ chồng ở cùng với bố mẹ đẻ anh khoảng 05 tháng thì thuê nhà ra ở riêng. Chị H bán quần áo ở chợ TX, còn anh buôn bán xe máy cũ. Trong thời gian chung sống với nhau, vợ chồng chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhất. Ngày 12/11/2020 vợ chồng vẫn bình thường với nhau, không có mâu thuẫn gì nhưng chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh giữ chị H lại nhưng chị cương quyết không nghe và sau đó chị H đã làm đơn xin ly hôn. Việc chị H trình bày trong thời gian vợ chồng chung sống anh chơi bời cờ bạc, nợ nần và chửi bới, đánh đập chị H là không đúng. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Chị H và anh M trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Ngọc L, sinh ngày 10/4/2007 hiện đang ở cùng với anh M. Nguyên vọng của chị H và anh M đều xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị H và anh M tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã xác minh với đại diện hai bên gia đình và chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân của chị H và anh M. Tuy nhiên, đại diện gia đình anh M từ chối không cung cấp lời khai, quan điểm với Tòa án. Đồng thời, anh M đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Anh Lê Khắc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa 2 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Lê Ngọc L sau khi phân tích điều kiện, hoàn cảnh của anh M, chị H và nguyện vọng của con chung. Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của vợ chồng cho đến khi cháu thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình . Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lê Khắc M. Về con chung: Giao cho chị H nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc L, sinh ngày 10/4/2007 đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Khắc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân : Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Khắc M kết hôn tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên vào ngày 08/01/2007. Vì vậy, hôn nhân của chị H và anh M là hợp pháp. Nay chị H xin ly hôn anh M sẽ được áp dụng Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Về mâu thuẫn của vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án chị H trình bày vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh M chơi bời cờ bạc, cá độ bóng đá dẫn đến nợ nần nhiều. Anh M bắt chị trả nợ thay và nhiều lần bắt chị đi vay tiền để anh M trả nợ nhưng do chị không đi vay tiền nên anh M đánh chửi chị và không cho chị được thăm gặp con chung. Mặc dù anh M không thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày nhưng không lý giải được tại sao vợ chồng lại nhiều lần sống ly thân và nhiều lần chị H phải bỏ về nhà bố mẹ để ở. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án hỏi ý kiến đại diện hai gia đình để xác minh về tình trạng hôn nhân của chị H và anh M nhưng phía đại diện gia đình anh M là ông Lê Khắc V (bố đẻ anh M) từ chối không cung cấp lời khai về tình trạng hôn nhân của anh M và chị H. Trong khi đó, phía đại diện gia đình chị H là ông Nguyễn Văn M (bố đẻ chị H) trình bày, trong thời gian chị H và anh M chung

sống với nhau, anh M nhiều lần bắt chị H đi vay tiền cho anh M trả nợ tiền cờ bạc, lô đề nhưng chị H không đi vay tiền cho anh M trả nợ nên anh M đã đánh chửi chị H. Chị H đã tha thứ nhiều lần cho anh M để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh M không sửa đổi bản thân, làm cho chị H không thể tiếp tục chung sống với anh M được nữa. Quan điểm của gia đình chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H và anh M ly hôn để tạo điều kiện cho chị H sớm ổn định cuộc sống. Căn cứ lời khai của các bên và lời khai của đại diện gia đình chị H có căn cứ để xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh M đã trầm trọng như chị H đã khai là đúng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh M xin đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp gì thiết thực để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án triệu tập anh M nhiều lần để tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân của vợ chồng nhưng anh M đều vắng mặt thể hiện sự tM thiện chí và vi phạm nghĩa vụ của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, quan điểm của anh M cũng xác định nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần giải quyết cho chị H và anh M ly hôn để các bên sớm có điều kiện ổn định cuộc sống là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh M có 01 con chung là cháu Lê Ngọc L, sinh ngày 10/4/2007 hiện đang ở cùng với anh M. Nguyên vọng của chị H và anh M đều xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án đã hỏi nguyên vọng của cháu L, có sự giám hộ của nhà trường phổ thông THCS Lê Quý Đôn nơi cháu L đang học tập, cháu L trình bày cháu có nguyên vọng muốn ở với mẹ vì mẹ yêu thương chăm sóc cháu hơn bố. Nhiều lần mẹ đón cháu về ở cùng nhưng bị bố ngăn cản không cho đón và không cho mẹ thăm gặp. Xét nguyên vọng các bên và nguyên vọng của con chung thì cần giao cho chị H được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là bảo đảm quyền lợi của phụ nữ và phù hợp nguyên vọng của con chung. Anh M được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Quan điểm của trợ giúp viên pháp lý và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung này được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị H và anh M đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 264, Điều 266 Điều

207, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lê Khắc M.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Khắc M có 01 con chung là cháu Lê Ngọc L, sinh ngày 10/4/2007 hiện đang ở cùng với anh Lê Khắc M. Xử giao cho chị H nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung công nợ, công sức, ruộng canh tác: Chị H và anh M đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001926 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KĐ. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- UBND xã TT;
- Chi cục THADS huyện (để thi hành);
- Phòng KTNV và THA Tòa án ND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Quốc Huy

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Trung Dũng Vũ Quàng Nguyên

Lê Quốc Huy

,